

Bản án số: 126/2020/DS-ST  
Ngày 04 - 9 - 2020  
V/v Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huy Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Long

2. Bà Hoàng Thị Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

**- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:** Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST-DS ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP ĐA

Trụ sở: 130 Phan Đăng Lưu, P. 3, Quận PN, TP. HCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đình T – giám đốc PGD Phú Tài, chi nhánh Bình Định.

Địa chỉ: số 1558 đường Hùng Vương, phường D, thành phố QN.

(Theo văn bản ủy quyền số 223/QĐ-DAB-PC ngày 19/3/2019 – có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H - sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 7, KV4, phường P, thành phố QN, tỉnh BD.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân Phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn.

Trụ sở: Tổ 6, KV5, phường P, thành phố QN. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mộng L - Chủ tịch UBND Phường P, thành phố QN. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Đình T trình bày:***

Ngày 10/01/2014 anh Trần Ngọc H có ký hợp đồng vay vốn số 0122872501T14003 với Ngân hàng TMCP ĐA vay số tiền 40.000.000đ với lãi suất 10%/ năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để tiêu dùng, vay tín chấp, có xác nhận của UBND phường P, TP. QN. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh H có trách nhiệm trả góp số tiền 52.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi 12.000.000 đồng) trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.450.000đ, tháng cuối cùng trả 1.250.000đ, bắt đầu từ ngày 10/02/2014 thực hiện hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân và anh H đã nhận đủ số tiền qua tài khoản thẻ vào ngày 10/01/2014. Tính đến ngày 16/12/2019 anh H chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 32.148.964 đồng (trong đó gốc 17.655.565 đồng, lãi trong hạn 12.000.000 đồng, lãi phạt quá hạn: 2.493.399 đồng). Từ đó đến nay anh H không thanh toán theo bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở như thông báo nợ, làm việc trực tiếp. Nay Ngân hàng TMCP ĐA khởi kiện yêu cầu anh Đoàn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 33.758.462đ, trong đó tiền gốc là 22.344.435đ và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2020 là 11.414.027đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi hết nợ.

***\* Bị đơn anh Trần Ngọc H:***

Tại phiên tòa hôm nay, anh H cũng vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa để khai báo. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân P. Nhơn Phú:***

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân Phường P, Tp. QN có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo bản khai ngày 25/6/2020 người đại diện theo pháp luật UBND Phường P cho rằng do thay đổi theo nhiệm kỳ 2016-2021, lãnh đạo phường không nhận được thông báo nên khi anh H nghỉ việc (tháng 7/2017) đã thanh toán các chế độ cho anh H theo quy định, không giữ lại tiền lương và trợ cấp thôi việc để ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng như đã cam kết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 471, 473, 474, 476, 478 BLDS năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh H có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền vay chưa thanh toán tạm tính

đến ngày 04/9/2020 và tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm trả hết nợ; anh H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án (khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng” (khoản 3 Điều 26 BLTTDS). Anh Trần Ngọc H đã nghỉ việc tại UBND Phường P, đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo nơi cư trú mới với người có quyền là Ngân hàng TMCP ĐA (theo quy định tại khoản 3 Điều 40 BLDS 2015) được xem là cố tình giấu địa chỉ (theo điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Vì vậy căn cứ theo địa chỉ bị đơn ghi trong Hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 10/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP ĐA với anh Trần Ngọc H có ký kết hợp đồng tín dụng trả góp số 0122872501T14003. Về nội dung và hình thức hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch dân sự này hợp pháp.

[2.2] Từ ngày vay đến ngày 10/4/2017, anh H đã trả tiền được 14 đợt với tổng số tiền là 32.148.964 đồng, trong đó tiền gốc 17.655.565 đồng, tiền lãi 14.493.399đ (lãi trong hạn 12.000.000 đồng và lãi quá hạn 2.493.399 đồng). Như vậy, tính đến ngày xét xử, anh H còn nợ Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 33.758.462đ, trong đó tiền gốc là 22.344.435đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/9/2020 là 11.414.027đ.

Như vậy, anh H đã không thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã căn cứ vào phần cam kết của hợp đồng yêu cầu anh H trả nợ gốc và lãi quá hạn do chậm trả tiền gốc, đồng thời tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. HĐXX xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Anh Trần Ngọc H là công chức công tác tại UBND Phường P, TP. QN nên Hợp đồng tín dụng trả góp với hình thức tín chấp số 0122872501T14003, ngày 10/01/2014 có xác nhận của đại diện lãnh đạo UBND Phường P cam kết hàng tháng sẽ trích lương và các khoản phụ cấp từ lương của anh H sẽ trả góp hàng tháng, trường hợp anh H nghỉ việc hay chuyển công tác thì giữ lại tiền lương và trợ cấp thôi việc để ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng. Tuy nhiên, theo bản khai ngày 25/6/2020 người đại

diện theo pháp luật UBND Phường P cho rằng do thay đổi theo nhiệm kỳ, lãnh đạo phường không nhận được thông báo nên khi anh H nghỉ việc (tháng 7/2017) đã thanh toán các chế độ cho anh H theo quy định, không giữ lại tiền lương và trợ cấp thôi việc để ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng như đã cam kết. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu UBND Phường P thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Anh H phải chịu 1.688.000đ án phí DSST. Ngân hàng TMCP ĐA không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 784.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐA.

Buộc anh Trần Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 33.758.462đ (*Ba mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó tiền gốc là 22.344.435đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/9/2020 là 11.414.027đ.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Trần Ngọc Hùng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.*

**2.** Ngân hàng TMCP ĐA không yêu cầu UBND Phường P thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**3.** Án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Trần Ngọc H phải chịu 1.688.000 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP ĐA, chi nhánh BĐ, Phòng giao dịch PT số tiền 784.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007631 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Phạm Thị Huy Huệ**

